TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HS-ST
Ngày: 11 - 02 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thúy Phương;

Ông Nguyễn Xuân Quý;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/HSST-QĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/HSST-QĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026; Thông báo mở lại phiên tòa số 07/2026/TB-TA ngày 03 tháng 02 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Lương Đình T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07/9/1987 tại tỉnh Lạng Sơn; số căn cước công dân: 020087010009; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số B, ngõ A, đường T, phường L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn H (đã chết), con bà Lê Thị B, sinh năm 1956; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 21/01/2025, sử dụng trái phép chất ma tuý, bị Công an phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Công an phường L, tỉnh Lạng Sơn) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 24/01/2025 với hình thức cảnh cáo; nhân thân: Ngày 15/6/2006 bị Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn) xử phạt 02 (hai) năm tù về tội "Cướp giật tài sản" tại Bản án số 54/2006/HSST; Ngày 22/8/2013 bị Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" tại Bản án số 107/2013/HSST; Ngày

04/11/2016 bị Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 18 tháng tại Quyết định số 26/2016/QĐ-TA; Ngày 22/01/2020 bị Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 22 tháng, tại Quyết định số 06/2020/QĐ-TA. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L từ ngày 18/3/2025 đến nay, có mặt.

2. Phạm Văn T1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 26/12/1993 tại tỉnh Thanh Hóa; số căn cước công dân: 038093043756; nơi thường trú: thôn P, xã X, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Số H, đường B, phường K, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L, sinh năm 1972 và con bà Lê Thị L1, sinh năm 1973; vợ tên Hoàng Thị T2, sinh năm 1999 (đã ly hôn); có 01 con, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính hoặc xử lý kỷ luật lần nào; bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L từ ngày 18/3/2025 đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Triệu Phúc Q, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số F, đường Đ, phường L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Anh Lý Thành Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số E, đường N, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Ông Đàm Trung K, sinh năm 1980. Đơn vị công tác hiện nay: Công an phường T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4. Ông Phan Thành D, sinh năm 1999. Đơn vị công tác hiện nay: Công an phường L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người chứng kiến: Ông Lê Văn L2, sinh năm 1963, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Đình T và Phạm Văn T1 đều là đối tượng sử dụng ma túy, quen nhau từ khoảng tháng 3/2025 và thường xuyên gặp nhau tại nhà Lương Đình T tại số B, ngõ A, đường T, phường L, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian từ ngày 08/3/2025 đến ngày 16/3/2025, Lương Đình T đã nhiều lần mua ma túy rồi bán lại hoặc cung cấp cho các đối tượng khác để sử dụng, cụ thể:

Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy:

Lần 1: Khoảng hơn 12 giờ ngày 08/3/2025, Phạm Văn T1 đến nhà của Lương Đình T và nhờ Lương Đình T đi mua hộ 400.000 đồng ma túy, Lương Đình T đồng ý. Sau khi nhận tiền, Lương Đình T đi đến khu vực gầm cầu Đ, đường N, phường Đ gặp và mua 01 gói ma túy "ngựa" và "đá" của một người đàn ông tên C (bị cáo không rõ họ tên và địa chỉ) rồi mang về giao lại cho Phạm Văn T1.

Lần 2: Khoảng hơn 22 giờ ngày 13/3/2025, Triệu Phúc Q là anh họ của Lương Đình T, nhắn tin qua ứng dụng Zalo nhờ Lương Đình T mua hộ 1.000.000 đồng ma túy "ngựa" và "đá", Lương Đình T đồng ý. Sau đó, Triệu Phúc Q nhờ vợ là Cà Thị Kiều T3 sử dụng tài khoản ngân hàng chuyển tiền cho Lương Đình T. Lương Đình T đi rút tiền mặt, rồi đến khu vực gần Trường Trung học cơ sở V, phường Đ gặp và mua 01 gói ma túy "đá" và "ngựa" của một người phụ nữ (không rõ họ tên và địa chỉ), Lương Đình T mang số ma túy này về nhà, Triệu Phúc Q đến nhà Lương Đình T lấy về.

Lần 3: Khoảng 22 giờ ngày 16/3/2025, Lý Thành Đ nhắn tin qua ứng dụng Zalo hỏi mua 700.000 đồng ma túy "đá" và "ngựa" và chuyển khoản tiền cho Lương Đình T. Nhận được tiền, Lương Đình T đi rút 700.000 đồng rồi đến khu vực gầm cầu Đ, đường N gặp và mua 01 gói ma túy "đá" và "ngựa" của một người đàn ông tên C (người đã bán ma túy cho T trước đó). Sau khi mua được ma túy, Lương Đình T hẹn Lý Thành Đ đến khu vực gần cổng Trường Trung học cơ sở C1 và giao ma túy cho Lý Thành Đ.

Công an phường C nay là Công an phường L, tỉnh Lạng Sơn mời Lý Thành Đ, Triệu Phúc Q đến làm việc, thực hiện xét nghiệm nhanh ma tuý trong cơ thể của Lý Thành Đ và Triệu Phúc Q cho kết quả dương tính với ma tuý Methamphetamine và MDMA. Lý Thành Đ, Triệu Phúc Q đều khai nhận được mua ma tuý với Lương Đình T như đã nêu trên đem về sử dụng cho bản thân, phù hợp với lời khai của Lương Đình T và giao dịch chuyển tiền vào tài khoản của Lương Đình T.

Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý của Phạm Văn T1 *và* Lương Đình T *đã khai nhận:*

Lần 1: Khoảng hơn 12 giờ ngày 08/3/2025, sau mua được ma túy về giao cho Phạm Văn T1, Phạm Văn T1 đã cầm gói ma túy đó đi xuống khu vực bếp nhà Lương Đình T, sử dụng bộ dụng cụ dùng để hút ma túy của Lương Đình T để sẵn tại bếp, cho ma tuý vào đoạn giấy bạc, rồi sử dụng bật lửa đốt phía dưới giấy bạc tạo thành khói ma tuý, rồi dùng miệng ngậm vào đầu ống hút nhựa hút khói ma tuý vào cơ thể. Thấy Phạm Văn T1 sử dụng ma túy, Lương Đình T đi vào bếp, trực tiếp lấy dụng cụ dùng để hút ma túy từ Phạm Văn T1, dùng miệng ngậm vào đầu ống hút nhựa và hút khói ma tuý vào cơ thể.

Lần 2: Khoảng hơn 21 giờ ngày 16/3/2025, Phạm Văn T1 đến nhà Lương Đình T chơi rồi tự đi xuống khu vực bếp thấy bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy của Lương Đình T, Phạm Văn T1 liền đổ nước trong chai (dụng cụ Lương Đình T dùng để sử dụng ma túy) vào đĩa sứ, đặt lên bếp đun, khi nước cạn thì ma túy tổng hợp đọng lại trên mặt đĩa sứ. Phạm Văn T1 dùng dao lam cạo lớp ma túy đó, rồi cho ma tuý vào đoạn giấy bạc và sử dụng bật lửa đốt phía dưới giấy bạc tạo thành khói ma tuý, dùng miệng ngậm vào đầu ống hút nhựa (dụng cụ Lương Đình T dùng để sử dụng ma túy) và hút khói ma tuý vào cơ thể. Lương Đình T thấy vậy cũng đi vào trong bếp, trực tiếp lấy ống hút ma túy từ Phạm Văn T1, dùng miệng ngậm vào đầu ống hút nhựa và hút khói ma tuý vào cơ thể.

Đến khoảng 08 giờ ngày 17/3/2025, Tổ công tác Công an phường C (nay là phường L) tiến hành kiểm tra cư trú tại nhà Lương Đình T. Thực hiện xét nghiệm nhanh xác định Phạm Văn T1 và Lương Đình T dương tính với các chất ma túy Methamphetamine và MDMA. Phạm Văn T1 và Lương Đình T đều khai nhận về việc được cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà Lương Đình T vào tối ngày 16/3/2025. Ngoài ra Lương Đình T tự nguyện giao nộp bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy, gồm: 01 chai nhựa trong suốt có gắn nhãn hiệu "MOGU MOGU", cao 15 cm, nắp chai màu trắng, trên nắp có 02 lỗ được gắn 02 đoạn ống hút nhựa màu trắng và 01 đoạn giấy bạc được gắn vào đầu một ống hút.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lương Đình T và Phạm Văn T1 nhưng không phát hiện, thu giữ đồ vật gì.

Tại bản Kết luận giám định số 272/KL-KTHS ngày 24/3/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận: Bên trong 02 đoạn ống hút nhựa màu trắng Lương Đình T giao nộp gửi giám định có bám dính chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng 0,011 gam.

Tại các biên bản ghi lời khai và bản tự khai ngày 17/3/2025 và 18/3/2025, Lương Đình T thừa nhận toàn bộ hành vi cùng Phạm Văn T1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, từ ngày 25/3/2025, Lương Đình T đã nhiều lần thay đổi lời khai, trình bày với lý do tại thời điểm làm việc, sức khỏe không bảo đảm và nội dung các biên bản này được ghi theo sự hướng dẫn của cán bộ điều tra. Còn Phạm Văn T1 từ ngày 10/8/2025 bắt đầu thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi đã cùng Lương Đình T tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào các ngày 08/3/2025 và 16/3/2025; Phạm Văn T1 chỉ khai bản thân tự sử dụng ma túy một mình tại nhà Lương Đình T vào các ngày 08/6 và 16/3 của năm 2025, các lời khai trước đó do bị cáo lo sợ, không hiểu rõ tội danh và do cán bộ Công an nói ký nhanh sẽ được cho về nên bị cáo đã ký và khai theo hướng dẫn của cán bộ công an.

Kiểm sát viên đã tiến hành làm việc với các cán bộ Công an, Điều tra viên, Cơ quan điều tra có liên quan, xác minh tình trạng sức khỏe của bị cáo Lương Đình T tại Trại tạm giam Công an tỉnh L. Kết quả: Việc Lương Đình T khai thời điểm làm việc bị bệnh là không có cơ sở; tại thời điểm ghi lời khai ngày 17/3/2025 và 18/3/2025 tình trạng sức khỏe của Lương Đình T bình thường, phiếu khám sức khỏe người bị tạm giữ, tạm giam số 305 ngày 18/3/2025 của Trại tạm giam Công an tỉnh L xác nhận Lương Đình T sức khỏe bình thường, không mắc bệnh. Lương Đình T và Phạm Văn T1 trình bày khai theo hướng dẫn của cán bộ điều tra là không có căn cứ, vì quá trình làm việc có sự chứng kiến của cán bộ Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC04) và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn).

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 19/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn đã quyết định truy tố bị cáo Lương Đình T về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại khoản 2 Điều 251 và tội "*Tổ*

chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Phạm Văn T1 về *tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lương Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội "mua bán trái phép chất ma túy" của bản thân như cáo trạng truy tố; Lương Đình T và Phạm Văn T1 đều không thừa nhận về hành vi "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" như nội dung cáo trạng đã nêu.

Trong phần phát biểu luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn có ý kiến xin rút 1 phần quyết định truy đối với các bị cáo Lương Đình T và Phạm Văn T1 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 2 Điều 255 về khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lương Đình T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lương Đình T và Phạm Văn T1 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và tuyên bố bị cáo Lương Đình T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; khoản 1 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Đình T, xử phạt bị cáo Lương Đình T từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" và xử phạt Lương Đình T từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06(sáu) tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy";* tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Lương Đình T phải chấp hành hình phạt chung từ 10 (mười) năm đến 11 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T1, xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06(sáu) tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".* Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả 2 bị cáo do không có khả năng thi hành. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chai nhựa trong suốt, bên trên nắp chai có đục hai lỗ và được gắn 02 đoạn ống hút nhựa màu trắng + 01 đoạn giấy bạc được gắn vào một đầu của đoạn ống hút; tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu đen thu của Lương Đình T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, màu đen thu của Phạm Văn T1; truy thu đối với bị cáo Lương Đình T số tiền 2.100.000 đồng liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy để sung ngân sách Nhà nước; buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Các bị cáo Lương Đình T, Phạm Văn T1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không ai có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo Phạm Văn T1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo Lương Đình T không trình bày gì trong phần lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sựQuá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng và tài liệu, chứng cứ đã thu thập của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy: Tại phiên tòa bị cáo Lương Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội "mua bán trái phép chất ma túy" của bản thân như cáo trạng truy tố; lời khai của bị cáo Lương Đình T phù hợp với lời khai đã khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo Phạm Văn T1 (trong cùng vụ án), lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản sự việc lập ngày 17/3/2025, biên bản kiểm tra điện thoại, chứng từ chuyển tiền và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận: Lương Đình T đã bán trái phép chất ma túy Methamphetamine 03 lần, cụ thể: Bán cho Phạm Văn T1 01 lần 01 gói với giá 400.000 đồng vào ngày 08/3/2025; bán cho Triệu Phúc Q 01 lần 01 gói với giá 1.000.000 đồng vào ngày 13/3/2025 và bán cho Lý Thành Đ 01 lần 01 gói với giá 700.000 đồng vào ngày 16/3/2025. Với hành vi trên có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lương Đình T đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đối với tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 16/3/2025 của các bị cáo, xét thấy: Căn cứ biên bản sự việc lập ngày 16/3/2025 (BL 66), biên bản ghi lời khai và bản tự khai/bản tường trình của bị cáo Lương Đình T đã khai vào các ngày 17 và 18/3/2025 (từ bút lục số 182 đến bút lục số 193); lời khai của bị cáo Phạm Văn T1 tại biên bản ghi lời khai các ngày 17 và 18/3/2025 (từ bút lục 215 đến bút lục 220 và bút lục 222, 223), bản hỏi cung ngày 25/3/2025 (bút lục 229, 230) và bản hỏi cung ngày 28/5/2025 (bút lục 232, 233, 234), có trong hồ sơ vụ án, các bị cáo Lương Đình T và Phạm Văn T1 đều đã thừa nhận được cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà bị cáo Lương Đình T vào tối hôm trước tức tối ngày 16/3/2025; lời khai trên của các bị cáo còn phù hợp với các vật chứng đã thu giữ được tại nhà bị cáo Lương Đình T do chính bị cáo giao nộp bao gồm: 01 chai nhựa trong suốt có gắn nhãn hiệu "MOGU MOGU", cao 15 cm, nắp chai màu trắng, trên nắp có 02 lỗ được gắn 02 đoạn ống hút nhựa màu trắng và 01 đoạn giấy bạc được gắn vào đầu một ống hút, đây là bộ dụng cụ các bị cáo đã dùng để sử dụng trái phép chất ma túy được bị cáo Lương Đình T cất dấu tại bếp nhà bị cáo và gian bếp đó chính là địa điểm các bị cáo đã cùng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào tối 16/3/2025; ngoài ra tại kết quả xét nghiệm nhanh chất ma túy ngày 17/3/2025 khi kiểm tra hành chính tại nhà bị cáo Lương Đình T xác định các bị cáo Lương Đình T và Phạm Văn T1 đều dương tính với các chất ma túy Methamphetamine và

MDMA; hơn nữa hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nêu trên được bị cáo Phạm Văn T1 khai nhận trong khoảng thời gian dài từ 17/3/2025 đến 28/5/2025 tại các biên bản ghi lời khai của công an phường và biên bản hỏi cung của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L thực hiện, do vậy việc ghi lời khai và hỏi cung của cơ quan điều tra là khách quan, đúng quy định. Việc các bị cáo cho rằng những lời khai ban đầu là do lo sợ, do bị đau bụng, bị cán bộ C2, hứa hẹn, là không có cơ sở, không có căn cứ chứng minh; các bị cáo thay đổi lời khai chỉ thể hiện các bị cáo đã không hối lỗi, không thành khẩn và đang quanh co chối tội. Từ các căn cứ, chứng cứ như đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ xác định: Tối ngày 16/3/2025, tại nhà bếp của Lương Đình T, các bị cáo Lương Đình T và Phạm Văn T1 đã cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy còn sót lại trong chai nước được bị cáo Phạm Văn T1 cô đặc lại và để trên đoạn giấy bạc rồi châm lửa đốt ma túy tạo khói, rồi cùng nhau hút vào cơ thể bằng đường miệng. Với hành vi trên có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lương Đình T và Phạm Văn T1 đã phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Việc rút một phần quyết định truy tố của Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo Lương Đình T và Phạm Văn T1 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" từ khoản 2 về khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự với lý do hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ngày 08/3/2025 các bị cáo khai chưa đủ căn cứ chứng minh, do đó Viện kiểm sát chỉ đề nghị truy tố các bị cáo đối với hành vi "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" các bị cáo đã thực hiện ngày 16/3/2025, theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và phù hợp với quy định tại Điều 325 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Hành vi các bị cáo đã thực hiện trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất về ma túy của Nhà nước; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo Lương Đình T và Phạm Văn T1 đều là người có đầy đủ năng lực, trách nhiệm, nhận thức rõ ma túy là độc dược gây nghiện, rất có hại đối với sức khỏe con người, do Nhà nước độc quyền quản lý, mọi hành vi trái phép liên quan đến ma túy đều phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, để nhằm thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy trái phép và thu lời bất hợp pháp của bản thân, vì vậy hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[6] Bị cáo Lương Đình T và Phạm Văn T1 thực hiện hành vi Tổ chức sử dụng trái pháp chất ma túy mang tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo tự tiếp nhận ý chí và cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo Lương Đình T là người cung cấp địa điểm, vật dụng để cả hai cùng sử dụng; bị cáo Phạm Văn T1 chủ động đến nhà Lương Đình T, là người đã chủ động xuống bếp cô đặc số ma túy còn sót lại trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy của bị cáo Lương Đình T để trong bếp, rồi để ma túy đã cô đặc được lên

trên mảnh giấy bạc, châm lửa để cả hai cùng sử dụng số ma túy đó. Như vậy vai trò đồng phạm của các bị cáo đối với tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" là ngang nhau.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Về tình tiết tăng nặng đối với 2 bị cáo là không có; về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Lương Đình T có mẹ đẻ là bà Lê Thị B được Chủ tịch nước tặng 03 Huy chương chiến sĩ vẻ vang; bị cáo Phạm Văn T1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và phạm tội lần đầu, nên Hội đồng xét xử xem xét cho cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: Bị cáo Lương Đình T là người có nhân thân không tốt, bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử 02 lần vào năm 2006 và năm 2013 và 01 lần bị Tòa án Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vào năm 2016 và 01 lần bị Tòa án Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc năm 2020 và Ngày 21/01/2025, sử dụng trái phép chất ma tuý, bị Công an phường C, thành phố L xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo tại Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 24/01/2025, như lý lịch đã nêu, thể hiện bị cáo là người thiếu ý thức rèn luyện và coi thường pháp luật.

[8] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo và đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo Lương Đình T và Phạm Văn T1 đều không có nghề nghiệp, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

[10] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chai nhựa trong suốt, bên trên chai có gắn nhãn hiệu MOGU MOGU (kích thước chiều cao 15 cm, đường kính 6 cm) nắp chai màu trắng, bên trên nắp chai có đục hai lỗ và được gắn 02 đoạn ống hút nhựa màu trắng; 01 đoạn giấy bạc được gắn vào một đầu của đoạn ống hút là các dụng cụ sử dụng ma túy, không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu đen thu của bị cáo Lương Đình T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, màu đen thu của bị cáo Phạm Văn T1, là các phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với số tiền mua bán trái phép chất ma túy bị cáo Lương Đình T đã nhận của Phạm Văn T1 là 400.000 đồng, Triệu Phúc Q là 1.000.000 đồng và Lý Thành Đ 700.000 đồng, tổng là 2.100.000 đồng là tiền do phạm tội mà có, nay truy thu số tiền này đối với bị cáo Lương Đình T để sung ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với người đàn ông tên C và người phụ nữ đã bán trái phép chất ma túy cho Lương Đình T: quá trình điều tra xác định, Lương Đình T khai có mua ma túy của một người đàn ông tên C và một người phụ nữ không rõ nhân

thân, lai lịch tại khu vực gầm cầu Đ, đường N, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, T không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của những người này, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với Triệu Phúc Q có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội. Công an phường C, thành phố L (nay là Công an phường L, tỉnh Lạng Sơn) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14/QĐ-XPHC ngày 18/4/2025 đối với Triệu Phúc Q với hình thức xử phạt cảnh cáo.

[14] Đối với Lý Thành Đ có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội. Công an phường V, thành phố L (nay là Công an phường Đ, tỉnh Lạng Sơn) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPHC ngày 18/3/2025 đối với Lý Thành Đ với hình thức xử phạt cảnh cáo.

[15] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Về án phí: Các bị cáo Lương Đình T và Phạm Văn T1 là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17] Các bị cáo và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Đình T.

Căn cứ khoản 1 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T1.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 325; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lương Đình T phạm các tội "*Mua bán trái phép chất ma túy"* và tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T1 phạm tội *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.*

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lương Đình T 08 (tám) năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy"* và 02 (hai) năm tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Lương Đình T phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm tù, hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (17/3/2025).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 02 (hai) năm tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*, hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (17/3/2025).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo Lương Đình T và Phạm Văn T1.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 mảnh giấy bạc cũ đựng 0,005 gam Methanphetamine (phần hao hụt do lấy làm mẫu giám định), 01 vỏ chai và 02 ống hút nhựa, tất cả được đựng trong 01 hộp giấy cứng bọc kín bằng giấy trắng (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H1, đại diện cơ quan trưng cầu và các hình dấu của Phòng K1 tại phần giáp lai mới.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động đã thu giữ, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 862627056263152, lắp 01 sim Viettel số thuê bao 0355.777.480 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 359172071093714, lắp 01 sim Viettel số thuê bao 0355.978.346.

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Lạng Sơn theo Biên bản giao nhận ngày 21/11/2025).

4. Truy thu đối với bị cáo Lương Đình T số tiền 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm ngàn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Lương Đình T và Phạm Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- CQCSĐT Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Bị cáo, NLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thanh